

Số: /UBND-GPMT TP. Kon Tum, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 14/GPMT-XDVT ngày 8 tháng 7 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Cây xăng dầu; Văn bản số 19/GPMT-XDVT ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cấp giấy phép môi trường cơ sở Cửa hàng xăng dầu số 5 (dung tích bể chứa 150 m³) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 129/TTr-TNMT ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cơ sở: Cửa hàng xăng dầu số 5 (Dung tích bể chứa 150m³) của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Việt Tường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Xăng dầu Việt Tường (địa chỉ trụ sở: số 994 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: Cửa hàng xăng dầu số 5 (Dung tích bể chứa 150m³) tại số 253 đường Duy Tân, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên Chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Xăng dầu Việt Tường.

- Địa chỉ trụ sở: số 994 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

- Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Việt Tường, chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0260.3868439.

1.2. Tên cơ sở: Cửa hàng xăng dầu số 5 (dung tích bể chứa 150 m³).

- Địa điểm hoạt động: Số 253 đường Duy Tân, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công: Dự án thuộc nhóm C.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 6100187828 cấp lần đầu ngày 25/3/2002 và thay đổi lần thứ 4 ngày 09/02/2021.

1.4. Mã số thuế: 6100187828

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh xăng dầu.

1.6. Phạm vi hoạt động của cơ sở: Số 253 đường Duy Tân, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.7. Quy mô, công suất:

- Diện tích sử dụng đất: Diện tích đất của cơ sở 1.058,8m² thuộc thửa đất số 217, tờ bản đồ số 24 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06990 ngày 28/3/2019 và đã chuyển đổi thành đất thương mại, dịch vụ theo Quyết định số 2559/UBND-HTKT ngày 11/0/2018 của UBND tỉnh Kon Tum.

- Công suất kinh doanh: Xăng 1.200m³/năm; dầu 1.000m³/năm với 06 cột bơm, xăng dầu và 06 bể chứa có tổng dung tích 150 m³ (04 bể chứa xăng; 02 bể chứa dầu diesel với dung tích 25 m³/bể).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Việt Tường được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH MTV Xăng dầu Việt Tường có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường)

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh;
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Việt Tường;
- Phòng TN&MT thành phố Kon Tum;
- UBND phường Trường Chinh;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố Kon Tum;
- VP UBND thành phố: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ nước vệ sinh nền nhiễm dầu và nước mưa chảy tràn trên nền nhiễm dầu, nước súc rửa bể chứa, đường ống, xả nước đáy bể.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình vệ sinh, sinh hoạt của công nhân và khách vãng lai.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải nhiễm dầu được thu gom theo rãnh thoát nước mưa nội bộ dẫn ra hố ga có kích thước $D \times R \times H = 80 \times 80 \times 80$ cm để lắng cặn và tách váng dầu rồi dẫn ra rãnh thoát nước chung của thành phố ngay trên đường Duy Tân phía trước cửa hàng.
- Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng hệ thống ống dẫn nhựa PVC D100, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn dung tích $5m^3$, sau đó tự chảy hố thu nước thải sinh hoạt và theo rãnh thoát nước mưa nội bộ dẫn ra rãnh thoát nước chung của thành phố trên đường Duy Tân phía trước cửa hàng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải nhiễm dầu: Vị trí xả thải tại rãnh thoát nước của đường Duy Tân, thành phố Kon Tum có tọa độ $X=1590\ 050$; $Y=554\ 752$ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nước thải sinh hoạt: Vị trí xả thải tại rãnh thoát nước của đường Duy Tân, thành phố Kon Tum có tọa độ $X=1590\ 050$; $Y=554\ 752$ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước thải nhiễm dầu: $0,53\ m^3/\text{ngày.đêm}$
- Nước thải sinh hoạt: $0,62\ m^3/\text{ngày.đêm}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải nhiễm dầu: Tự chảy ra rãnh thoát nước của đường Duy Tân, thành phố Kon Tum.

- Nước thải sinh hoạt: Tự chảy ra rãnh thoát nước của đường Duy Tân, thành phố Kon Tum.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Nước thải nhiễm dầu: Gián đoạn (*chỉ xả thải khi vệ sinh nền hoặc trời mưa hoặc khi súc rửa bể chứa, đường ống, xả nước đáy bể*)

- Nước thải sinh hoạt: Liên tục 24giờ/ngày.

2.3.3. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng thải:

- Dòng thải nước thải nhiễm dầu: Cột B- QCVN 29:2020/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

| Số TT | Thông số | Đơn vị | Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm Cột B -QCVN 29:2020/BTNMT (<i>áp dụng đối với cửa hàng xăng dầu không có dịch vụ rửa xe</i>) |
|-------|---------------|--------|--|
| 1 | pH | - | 5,5-9 |
| 2 | TSS | mg/l | 120 |
| 3 | COD | mg/l | 150 |
| 4 | Dầu mỡ khoáng | mg/l | 30 |

- Dòng thải nước thải sinh hoạt: Cột B- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

| Số TT | Thông số | Đơn vị | Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) $C_{max}=C \times K$ với $K=1,2$ |
|-------|---------------------------------------|-----------|--|
| 1 | pH | - | 5-9 |
| 2 | BOD ₅ (20°C) | mg/l | 60 |
| 3 | Chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 120 |
| 4 | Sulfua (S ²⁻) | mg/l | 4,8 |
| 5 | Amoni (NH ₄ ⁺) | mg/l | 12 |
| 6 | NO ₃ ⁻ | mg/l | 60 |
| 7 | PO ₄ ⁻ | mg/l | 12 |
| 8 | Coliform | MPN/100ml | 6.000 |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh được thu gom bằng ống nhựa PVC D100 và đưa đến bể tự hoại 3 ngăn có dung tích 5 m³ để xử lý.

- Nước thải nhiễm dầu được thu gom theo rãnh thoát nước mưa nội bộ dẫn ra hố ga để lắng cặn và tách váng dầu.

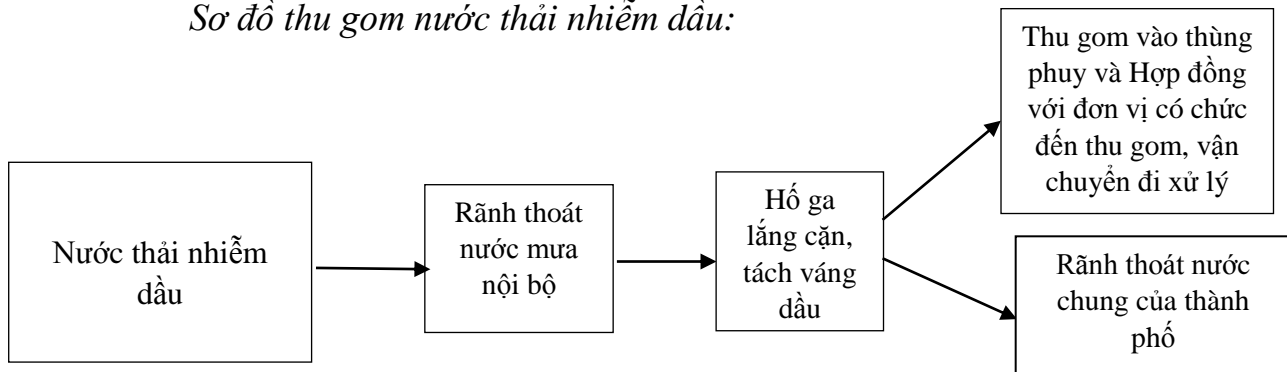
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải nhiễm dầu:

+ Đối với nước súc rửa bề chứa, đường ống, xả nước đáy bể: Với khối lượng phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày.đêm; phát sinh khi vệ sinh các thiết bị (khoảng 02-03 năm vệ sinh 01 lần), nước thải này được thu gom theo rãnh thoát nước mưa nội bộ dẫn ra hố ga để lắng cặn và tách váng dầu rồi dẫn ra rãnh thoát nước chung của thành phố ngay trên đường Duy Tân phía trước cửa hàng tại điểm có tọa độ: X=1590 050; Y=554 752.CTNH để đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo định kỳ.

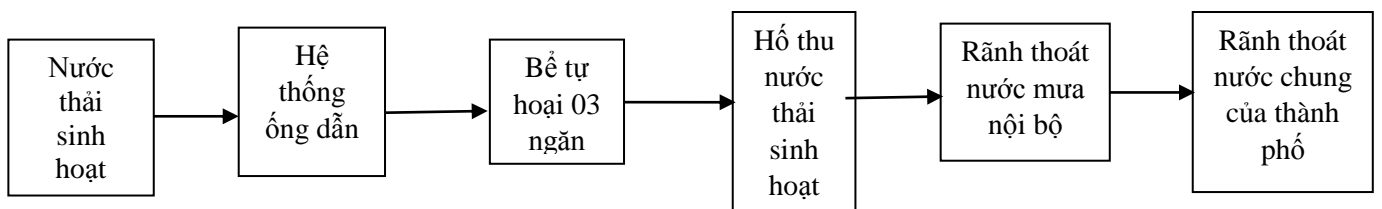
+ Đối với nước vệ sinh nền có nhiễm dầu và nước mưa chảy trên nền có nhiễm dầu: Lượng nước thải có nhiễm dầu phát sinh rất ít khoảng 0,02 m³/ngày, chỉ phát sinh khi có dầu rơi vãi và khi có nước mưa chảy trên nền có nhiễm dầu được thu gom theo rãnh thoát nước mưa nội bộ dẫn ra hố ga để lắng cặn và tách váng dầu rồi dẫn ra rãnh thoát nước chung của thành phố ngay trên đường Duy Tân phía trước cửa hàng tại điểm có tọa độ: X=1590 050; Y=554 752.

Sơ đồ thu gom nước thải nhiễm dầu:



- Nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 5 m³ đặt ngầm bên ngoài khu nhà vệ sinh. Phần cặn lắng được giữ lại trong bể sẽ thuê đơn vị chức năng hút khi bể đầy.

Sơ đồ thu gom, xử lý như sau:



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Trong vòng 03 tháng kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm.

Công trình thu gom, xử lý nước thải nhiễm dầu.

a) Vị trí lấy mẫu: Tại hố ga sau khi tách váng dầu.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH MTV Xăng dầu Việt Tường phải giám sát các chất ô nhiễm và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình thu gom, xử lý thu nước thải nhiễm dầu theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này

c) Tần suất lấy mẫu: 03 đợt trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

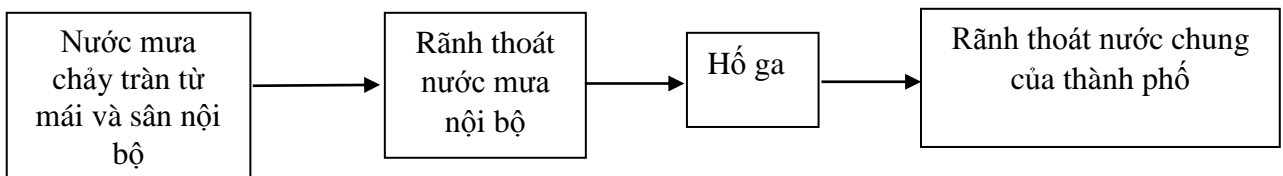
3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

Hệ thống thoát nước mưa từ mái công trình và sân nội bộ đi ngầm dưới đất được xây dựng bằng bê tông có kích thước 40*40cm và hố ga có song chắn rác được xây dựng bằng bê tông cốt thép có nắp bằng thép lá có kích thước $D_x R_x H = 80 * 80 * 80$ cm. Hệ thống rãnh thoát đều có nắp bằng thép lá, chiều dài 50m, đầu nối với rãnh thoát nước của đường Duy Tân.

Quy trình vận hành: Nước mưa chảy tràn phát sinh từ mái công trình và sân nội bộ theo rãnh thoát mưa tự chảy dẫn về hố ga trong cửa hàng để lắng cặn. Sau đó nước mưa tự chảy ra hệ thống rãnh thoát nước mưa chung của thành phố, ngay trên đường Duy Tân phía trước cửa hàng tại điểm có tọa độ: $X=1590\ 050$; $Y=554\ 752$ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn như sau:



3.3. Công ty TNHH MTV Xăng dầu Việt Tường chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực cơ sở.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng nước khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải;

- Dòng khí thải 01: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực cơ sở thải ra tại khu vực cửa hàng xăng dầu
- Dòng khí thải 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng thải ra trong khu vực cửa hàng xăng dầu khi bị mất điện.

2.2. Vị trí xả khí thải:

02 Dòng khí thải trên xả khí thải tại khu vực cửa hàng xăng dầu số 05 (dung tích bể chứa 150 m³) tại 253 đường Duy Tân, phường Trường Chinh, Tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

| Điểm góc | HỆ TỌA ĐỘ VN 2000, KINH TUYẾN TRỤC 107,5 ĐỘ, MÚI CHIỀU 3 ĐỘ | |
|----------|---|---------|
| | X(m) | Y(m) |
| 1 | 1.590.045 | 554.757 |
| 2 | 1.590.050 | 554.797 |
| 3 | 1.590.048 | 554.797 |
| 4 | 1.590.050 | 554.805 |
| 5 | 1.590.077 | 554.802 |
| 6 | 1.590.070 | 554.763 |

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Khí thải của các phương tiện giao thông: Không xác định.
- Khí thải của máy phát điện dự phòng: 62,08 m³/h.

2.4. Phương thức xả khí thải:

- Khí thải của các phương tiện giao thông: Xả qua ống khói của phương tiện giao thông.
- Khí thải của máy phát điện dự phòng: Xả qua bộ lọc khí của thiết bị

2.5. Chế độ xả khí thải:

- Khí thải của các phương tiện giao thông: Không liên tục.
- Khí thải của máy phát điện dự phòng: Không liên tục.

2.6. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải cho phép theo QCVN 05:2023/BNTMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

| TT | Thông số | Đơn vị | QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ) |
|----|-----------------|--------------------|---|
| 1 | Bụi lơ lửng | mg/Nm ³ | 0,3 |
| 2 | SO ₂ | mg/Nm ³ | 0,35 |
| 3 | CO | mg/Nm ³ | 30 |
| 4 | NO ₂ | mg/Nm ³ | 0,2 |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Xả bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

- Yêu cầu xe ô tô để vận chuyển xăng dầu phải là xe chuyên dụng được thiết kế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Quy định các phương tiện ra vào của hàng để xuất, nhập nhiên liệu phải dừng xe, tắt máy để hạn chế bụi và khí thải.

- Bê tông hóa toàn bộ khu vực cửa hàng để giảm thiểu bụi phát sinh.

- Hằng ngày, tiến hành phun nước nhằm hạn chế bụi phát sinh do gió hoặc do các phương tiện ra vào Cửa hàng.

- Tổ chức vệ sinh hằng ngày trên toàn bộ mặt bằng khu vực Cửa hàng.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thường xuyên tiếp xúc với xăng dầu.

- Thực hiện các biện pháp để hạn chế sự bốc hơi xăng dầu trong quá trình tồn trữ và xuất nhập, cơ sở, cụ thể:

- + Thiết kế, lắp đặt hệ thống xuất, nhập, hệ thống van thở, tuân thủ theo các yêu cầu của QCVN 01:2013/BCT - Quy chuẩn quốc gia về Cửa hàng xăng dầu- yêu cầu thiết kế.

- + Thường xuyên tập huấn và huấn luyện công nhân thực hiện các nguyên tắc và thao tác bơm cẩn thận trong quá trình bán xăng dầu.

+ Bể chứa và hệ thống đường ống xuất nhập nhiên liệu luôn ở tình trạng kín khí.

+ Bể xăng dầu được xây dựng chìm dưới đất và được sơn chống nóng để bảo ôn nhiệt độ của bể chứa, tránh bức xạ nhiệt của ánh sáng mặt trời.

+ Thực hiện đúng quy trình thao tác trong công tác nhập liệu.

+ Bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ.

- Sử dụng máy phát điện có hệ thống kiểm soát khí với bộ lọc khí được lắp đặt trong máy phát điện, khí thải trước khi thải môi trường ngoài được qua bộ lọc khí, nhờ các chất xúc tác được tráng phủ trên bộ lọc thì khí thải sẽ trở thành N_2 , H_2O dưới dạng hơi là những chất khí không độc nên không ảnh hưởng đến môi trường.

3.3. Công ty TNHH MTV Xăng dầu Việt Tường chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, rung động phát sinh tại cơ sở do hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển ra vào cơ sở và máy phát điện dự phòng khi mất điện.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Giới hạn đối với tiếng ồn phát sinh đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

| Khu vực | QCVN 26:2010/BTNMT |
|--|--------------------|
| Khu vực thông thường (Từ 6 giờ đến 21 giờ) | 70 dBA |

2.2. Độ rung:

Giới hạn đối với độ rung phát sinh đảm bảo theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

| Khu vực | QCVN 27:2010/BTNMT |
|--|--------------------|
| Khu vực thông thường (Từ 6 giờ đến 21 giờ) | 70 dB |

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Chia ca làm việc cho người lao động hợp lý. Quy định tốc độ xe khi ra vào cửa hàng và nghiêm cấm bóp còi khi dừng đỗ xăng dầu.
- Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động.
- Định kỳ bảo trì bảo dưỡng máy móc, thiết bị tại cửa hàng.
- Bố trí máy phát điện dự phòng trong phòng kín tách biệt; lót đệm cao su bên dưới máy phát điện; bảo dưỡng đúng định kỳ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại phần A phụ lục này.
- Sử dụng máy móc thiết bị đã qua đăng kiểm. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày tháng
năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

| TT | Loại CTNH | Mã CTNH | Số lượng (kg/năm) | Biện pháp xử lý |
|----|---|----------|-------------------|--|
| 1. | Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại | 18 02 01 | 15 | Công ty đã hợp đồng với đơn vị có chức năng, định kỳ đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. |
| 2. | Bóng đèn huỳnh quang | 16 01 06 | 03 | |
| 3. | Hộp mực in thải | 08 02 04 | 01 | |
| 4. | Bao bì cứng bằng kim loại | 18 01 02 | 16 | |
| 5. | Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) | 18 01 03 | 05 | |
| | Tổng khối lượng | | 40 kg | |

Ngoài ra, khi súc rửa bể chứa, đường ống, xả nước đáy bể, vệ sinh nền có nhiễm dầu, nước mưa chảy tràn trên nền có dầu rơi vãi thì có phát sinh váng dầu (hay còn gọi là dầu diesel thải - có mã CTNH 17 06 01) với khối lượng sau khi tách tại hồ ga tách váng dầu 4,24 kg/lần thu gom tại hồ ga tách dầu.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 4 kg/ngày, bao gồm vỏ trái cây, giấy, thức ăn thừa, vỏ đồ hộp, vật dụng, bao bì nhựa, rau củ quả thừa, bao nylon,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: các thùng phuy chứa riêng cho từng loại chất thải nguy hại bố trí trong kho chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích: 132 m².

- Kết cấu: Được xây bằng gạch trát VXM M100, mái lợp tôn và khung thép bảo vệ.

- Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng rác loại 60 L đặt khu vực cửa hàng.

- Công tác thu gom, xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay tại nguồn, các loại chất thải rắn có thể tái chế (chai nhựa, lon nước ngọt, hộp giấy, ...) được tách riêng để bán cho đơn vị thu mua phế liệu. Các loại chất thải còn lại thu

gom tập trung vào thùng rác tại mỗi khu vực; cuối giờ chiều thu gom tập trung trước công cơ sở và hằng ngày có Đội vệ sinh của Công ty Cổ phần môi trường đô thị thành phố Kon Tum đến thu gom và đem đi xử lý và xử lý đúng theo quy định. Đối với rác thải rắn công kênh và chất thải xây dựng thì thỏa thuận với Đội vệ sinh môi trường của Công ty Cổ phần môi trường đô thị Kon Tum thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý chất thải rắn sinh hoạt

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Tuyên truyền, giáo dục ý thức của công nhân, tuân thủ quy định an toàn lao động.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

2. Phòng ngừa sự cố cháy nổ:

- Áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy và chữa cháy.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

3. Phòng ngừa sự cố tràn dầu:

- Khi phát hiện sự cố, ngừng hoạt động xuất/nhập dầu tại Cửa hàng, đóng tất cả các van có liên quan, sơ tán nhanh chóng các phương tiện, con người đang có mặt tại Cửa hàng.
- Có biện pháp cứu người bị nạn (*nếu có*) và di tản ra khỏi khu vực sự cố.
- Phối hợp tổ chức lực lượng, phương tiện đảm bảo đảm bảo phòng chống cháy nổ báo động đến các phương tiện, người dân xung quanh Cửa hàng tránh xa khu vực dầu tràn. Nghiêm cấm các hành vi phát sinh nguồn lửa, nguồn nhiệt trong vùng sự cố.
- Báo cáo tình trạng thực tế ban đầu về dầu tràn.
- Bảo đảm an toàn, an ninh khu vực sự cố.
- Xử lý dầu thu hồi và vật liệu nhiễm dầu.

3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải:

- Định kỳ nạo vét bùn cặn hệ thống rãnh thoát nước mưa, hố ga.
- Thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn tại bể tự hoại và bổ sung chế phẩm sinh học khi hầm bể tự hoại đầy.
- Định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước, tránh hiện tắc nghẽn gây hiện tượng ngập úng khi có mưa lớn.

5. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU BỒI HOÀN VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và các quy định có liên quan.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

3. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

5. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
